

Bản án số: 38/2018/HS - ST
Ngày 16-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Mạnh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Dương Hồng Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST- HS ngày 4 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Anh D, Sinh năm 1989; Trú tại: 592 V, xóm T, xã L, thành phố N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Trần Văn T1, sinh năm 1961; Con bà: Trần Thị Th1, sinh năm 1958; cùng trú tại: 592 V, xóm T, xã L, thành phố N; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai và chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 01 năm 2018, và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH may T. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Ng, Giám đốc Công ty,

Người được ủy quyền ông Trần Văn T: Phó giám đốc Công ty: có đơn xin xét xử vắng mặt,

Người làm chứng:

1. Anh Trần Đình Th, sinh 1986

Địa chỉ: Xóm K, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

2. Anh Ngô Mạnh H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn L, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa các nhân chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 8/4/2016 Trần Anh D, sinh năm 1989, trú tại: 592 V, xóm T, xã L, thành phố N được Công ty TNHH may T có địa chỉ tại đường D, khu công nghiệp H, thành phố N, tỉnh Nam Định tuyển dụng vào làm việc tại bộ phận kho của Công ty, nhiệm vụ xuất, nhập vật liệu phục vụ sản xuất. Công ty may T có kho chính đặt tại địa chỉ D khu công nghiệp H, thành phố N, khi nguyên vật liệu nhập đầy kho chính thì số còn lại được để tại xưởng in của Công ty được thuê lại của Công ty M có địa chỉ tại lô N2 đường P, thành phố N. Trong thời gian làm việc, D thấy có nhiều sơ hở trong việc quản lý của Công ty nên đã nảy sinh ý định trộm cắp lông vũ bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. D vào mạng Facebook tìm người thu mua lông vũ, khi tìm được D chủ động gọi điện thoại cho anh Trần Đình Th ở xóm K, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định xưng tên là “Nam” để tránh phát hiện và chào bán lông vũ cho anh Th, anh Th đồng ý. Ngoài ra, do quen biết với anh Ngô Mạnh H nhà ở Thôn L, xã L, TP N, anh H có xe ô tô bán tải loại 5 tạ, BKS 18C - 05527, D điện thoại cho anh H để thuê anh H chở hàng thuê cho D, anh H đồng ý. Cụ thể từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 11 năm 2017 Trần Anh D đã 08 lần thực hiện hành vi trộm cắp như sau (6 lần đầu D không nhớ ngày cụ thể):

- **Lần thứ nhất:**.. Khoảng trưa, một ngày giữa tháng 4/2017 D điện thoại cho anh H hẹn đến công ty M để chở hàng cho D. Sau đó, D đi một mình sang kho bên xưởng in lấy trộm 1 bao lông vũ, màu trắng, loại 80/20 (lông vũ có 80% nguyên chất, 20% tạp chất), có trọng lượng 15kg (Trọng lượng, chủng loại được in trên vỏ bao bì). Khoảng 15 phút sau, D mang bao lông vũ vừa trộm cắp được mang ra ngoài, cho lên thùng xe ô tô bán tải loại 5 tạ, BKS 18C - 05527 do anh H điều khiển vào trước cửa xưởng in trong sân chờ sẵn. Do đã điện thoại hẹn trước với anh Th nên D cùng anh H đến nhà anh Th ở trước khu vực Chùa K, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Tại đây, D nói với anh Th là lông vũ mua thanh lý được, anh Th đồng ý mua và thống nhất giá lông vũ là 480.000 đồng/1kg. Anh Th chỉ xem thông tin trên vỏ bao bì và trả cho D số tiền là 7.200.000 đồng D trả cho anh H 400.000 đồng tiền thuê xe chở hàng. Số tiền còn lại, D tiêu xài cá nhân hết.

- **Lần thứ 2:** Khoảng trưa một ngày đầu tháng 5/2017 D điện thoại cho anh H đến chở hàng cũng như lần trước anh H điều khiển xe ô tô vào sân Công ty M theo hẹn với D. Sau đó, D đi một mình sang kho bên xưởng in lấy trộm 02 bao lông vũ, màu trắng, loại 80/20, mỗi bao có trọng lượng là 20kg cho lên thùng xe ô tô của anh H đang chờ sẵn. Lần này, D không đi cùng mà bảo anh H điều khiển xe ô tô chở 2 bao lông vũ giao cho anh Th và nói là hàng của anh “Nam”. Anh H chở hàng lên khu vực chùa Kim, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định giao cho anh Th, anh Th kiểm tra hàng và đưa cho anh H số tiền là 19.200.000 đồng. Anh H nhận tiền về đưa lại cho D, D trả cho anh H 400.000 đồng tiền thuê xe chở hàng. Số tiền còn lại, D tiêu xài cá nhân hết.

- **Lần thứ 3:** Khoảng trưa một ngày đầu tháng 6/2017 D điện thoại cho anh H để thuê chở hàng, anh H đồng ý và điều khiển xe ô tô vào sân Công ty M như lần trước. D đi một mình sang kho bên xưởng in lấy trộm 02 bao lông vũ, màu trắng, loại 80/20, một bao có trọng lượng 25kg, một bao có trọng lượng 20kg cho lên thùng xe ô tô anh H đang chờ sẵn. D tiếp tục bảo anh H điều khiển xe ô tô chở 2 bao lông vũ giao cho anh Th. Anh H chở hàng lên khu vực chùa K, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định giao cho anh Th. Anh Th kiểm tra hàng và đưa cho H số tiền là 21.600.000 đồng, anh H nhận đủ số tiền về đưa lại cho D, D trả cho anh H 400.000 đồng tiền thuê xe chở hàng. Số tiền còn lại, D tiêu xài cá nhân hết.

- **Lần thứ 4:** Khoảng trưa một ngày (sau lần thứ 3 khoảng 1 tuần), D điện thoại cho anh H đến Công ty M để chở hàng cho D, anh H đồng ý. Khi anh H đi ô tô đến D đi một mình sang kho bên xưởng in lấy trộm 02 bao lông vũ, màu trắng, loại 80/20, mỗi bao có trọng lượng là 25kg cho lên thùng xe ô tô anh H đang chờ sẵn. D bảo anh H điều khiển xe ô tô chở 2 bao lông vũ giao cho anh Th. Anh H chở hàng lên khu vực chùa K, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định giao cho anh Th. Anh Th kiểm tra hàng và đưa cho anh H số tiền là 24.000.000 đồng, anh H nhận đủ số tiền về đưa cho D, D trả cho anh H 400.000 đồng tiền thuê xe chở hàng. Số tiền còn lại, D tiêu xài cá nhân hết.

- **Lần thứ 5:** Khoảng cuối tháng 6/2017, D điện thoại cho anh H đến Công ty M để chở hàng cho D, anh H đồng ý. Khi anh H đi ô tô đến D sang kho bên xưởng in lấy trộm 02 bao lông vũ, màu trắng, loại 80/20, mỗi bao có trọng lượng 25kg cho lên thùng xe ô tô của anh H đang chờ sẵn. D bảo anh H điều khiển xe ô tô chở 2 bao lông vũ giao cho anh Th. Do D đã thỏa thuận với anh Th giá lông vũ là 500.000 đồng/kg qua điện thoại nên sau khi kiểm tra hàng anh Th đưa cho anh H số tiền là 25.000.000 đồng. Anh H nhận đủ số tiền về đưa lại cho D, D trả cho anh H 400.000 đồng tiền thuê xe chở hàng. Số tiền còn lại, D tiêu xài cá nhân hết.

- **Lần thứ 6:** Khoảng đầu giờ chiều ngày đầu tháng 9/2017, D điện thoại cho anh H đến Công ty M để chở hàng cho D, anh H đồng ý. Khi anh H đi ô tô đến D sang kho bên xưởng in tiếp tục lấy trộm 02 bao lông vũ, màu trắng, loại 80/20, mỗi bao có trọng lượng là 25kg cho lên thùng xe ô tô của anh H đang chờ sẵn. D bảo anh H điều khiển xe ô tô chở 2 bao lông vũ lên giao cho anh Th. Anh H chở hàng lên khu vực chùa K, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định giao cho anh Th. Anh Th kiểm tra hàng và đưa cho anh H số tiền là 25.000.000 đồng, anh H nhận đủ số tiền về đưa lại cho D, D trả cho anh H 400.000 đồng tiền thuê xe chở hàng. Số tiền còn lại, D tiêu xài cá nhân hết.

- **Lần thứ 7:** Khoảng 14h ngày 14/11/2017, D điện thoại cho anh H đến Công ty M để chở hàng cho D, anh H đồng ý. D sang kho bên xưởng in tiếp tục lấy trộm cấp 01 bao lông vũ, màu xám, loại 90/10 (lông vũ có 90% nguyên chất, 10% tạp chất), có trọng lượng 13kg và mang ra ngoài cổng Công ty M chờ anh H đến. Khi anh H điều khiển xe ô tô đến cổng Công ty thì gặp D, D đưa bao hàng lên thùng xe ô tô và bảo anh H điều khiển xe ô tô chở bao lông vũ giao cho anh Th. Do D đã thỏa thuận qua điện thoại với anh Th giá lông vũ là 600.000 đồng/kg nên sau khi kiểm tra hàng anh Th đưa cho anh H số tiền là 7.800.000 đồng. Anh H nhận đủ số tiền về đưa lại cho D, D trả cho anh H 400.000 đồng tiền thuê xe chở hàng. Số tiền còn lại, D tiêu xài cá nhân hết.

- **Lần thứ 8:** Khoảng 16h30 phút ngày 23/11/2017, D điện thoại cho anh H đến Công ty M để chở hàng cho D, anh H đồng ý. D sang kho bên xưởng in tiếp tục lấy trộm 01 bao lông vũ, màu xám, loại 90/10 (lông vũ có 90% nguyên chất, 10% tạp chất), có trọng lượng 13kg và mang ra ngoài cổng Công ty M chờ anh H đến. Khi anh H điều khiển xe ô tô đến cổng Công ty thì gặp D, D đưa bao hàng lên thùng xe ô tô và bảo anh H điều khiển xe ô tô chở bao lông vũ giao cho anh Th. Trên đường đi, anh H điện thoại cho anh Th, lúc này anh Th đang ở trên Bắc Giang có việc riêng nên bảo anh H lên giao hàng cho vợ là chị Trần Thị Th1, anh H đã điều khiển ô tô lên khu vực chùa K, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định giao lông vũ cho chị Th1. Anh Th đã gửi trả D số tiền là 8.000.000 đồng qua số tài khoản: 48610000035410. Lần này D chưa trả tiền thuê xe cho anh H.

Như vậy, tổng trọng lượng lông vũ Trần Anh D trộm cắp của Công ty TNHH may T là 276 kg, trong đó: 250 kg lông vũ màu trắng, loại 80/20 và 26 kg lông vũ màu xám, loại 90/10. Tại cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định, Trần Anh D đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của bản thân như nêu trên.

Tại Biên bản kết luận định giá ngày 10/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Nam Định kết luận: 160 kg lông vũ màu trắng loại 80/20 giá 152.000.000 đồng và 20 kg lông vũ màu xám, loại 90/10 giá 22.000.000 đồng.

Tại Biên bản kết luận định giá ngày 27/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Nam Định kết luận: 90 kg lông vũ màu trắng, loại 80/20 giá 85.500.000 đồng và 06 kg lông vũ màu xám, loại 90/10 giá 6.600.000 đồng.

Như vậy, tổng trọng lượng lông vũ Trần Anh D trộm cắp của công ty TNHH may T là 276 kg, trong đó: 250 kg lông vũ màu trắng loại 80/20 và 26 kg lông vũ màu xám, loại 90/10 có tổng trị giá là : 266.100.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 05/5/2018 Công ty TNHH T cho biết gia đình bị cáo Trần Anh D đã bồi thường toàn bộ tài sản đã lấy trộm cho Công ty, Công ty đề nghị giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho bị cáo D.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 25/QĐ-KSĐT ngày 11/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Trần Anh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo D từ 42 đến 48 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Từ khoảng tháng 4/2017 đến ngày 23/ 11/2017, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý xuất nhập hàng của Công ty may T, Trần Anh D đã 08 lần có hành vi lén lút trộm cắp lông vũ của Công ty là: 250 kg lông vũ màu trắng, loại 80/20 và 26 kg lông vũ màu xám, loại 90/10 có tổng trị giá là : 266.100.000 đồng. Việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, D đã lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty may T. Đây là khách thể được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm các hành vi xâm phạm.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, khách thể được pháp luật Nhà nước bảo vệ bị xâm phạm, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, hậu quả nguy

hại cho xã hội, thì thấy trong một khoảng thời gian ngắn bị cáo đã 8 lần “trộm cắp tài sản” của Công ty may T thể hiện bị cáo có ý thức coi thường pháp luật nên mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại đã gây ra cho Công ty được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46; Quá trình điều tra bị cáo đã tự thú khai nhận những lần phạm tội trước chưa bị phát hiện quy định tại điểm o khoản 1 điều 46; Nguyên đơn dân sự Công ty may T có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất cho bị cáo được quy định tại khoản 2 điều 46. Như vậy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ Thiệt hại cho Công ty may T theo yêu cầu của Công ty, Công ty đã nhận đủ không có yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét phần trách nhiệm dân sự trong vụ án.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Anh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p, o khoản 1; khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Trần Anh D 48 (bốn tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/01/2018.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Anh D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có lý do chính đáng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã L, TP N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Tiến Dũng